

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-10-2021.

*“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.
2. Ông Nguyễn Viết Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 45/TB – TA ngày 13 tháng 7 năm 2021; thông báo mở lại phiên tòa số 221/TB – TA ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số 73, tổ 24, Khóm 2, Phường 2, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số nhà 98A, đường Lê L, Phường 2, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Cao Lãnh vào năm 1999.

Từ ngày về chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, mâu thuẫn do cách sống không hợp nhau, thân ai nấy lo, chỉ tiêu riêng biệt, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong thời gian chung sống, anh H có đánh chị T,

thường hay mắng và dùng những lời lẽ khiếm nhã với chị T trước mặt bạn bè, cha mẹ, chị em, thậm chí là con. Anh H không tôn trọng chị T và không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Chị T cố gắng nhịn để sống và cố gắng chăm lo cho các con. Mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do chị T chi trả. Chị bệnh, anh không quan tâm, chăm sóc. Khi chị yêu cầu ly hôn thì anh H có đưa tiền cho chị để phụ tiếp chi phí ăn học cho con trong khi trước giờ chưa từng chu cấp. Chị quyết định ly hôn nhưng anh H không đồng ý còn dùng những lời lẽ đe dọa. Tháng 8/2020, chị T lên thành phố sống cùng con thì anh H cho người đến nhà trọ theo dõi làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị và việc học hành của con chị. Đến nay chị T và anh H không thể hàn gắn tình cảm nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10/12/2000 và Nguyễn Yến P, sinh ngày 29/3/2002. Hiện tại, hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Thanh H, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Đồng thời anh H cũng không đến tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Thanh H có địa chỉ tại Phường 2, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H tại địa chỉ nêu trên nhưng anh H không có văn bản ý kiến và vắng mặt trong quá trình tố tụng và phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T và anh H kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/12/1999 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh H. Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh H là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, mặc dù chị và anh H cùng sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, kinh tế độc lập. Do con còn nhỏ nên chị vẫn cố gắng chung sống để chăm lo cho con. Tháng 8/2020, chị T lên thành phố sống và nuôi con ăn học, anh H sống ở Phường 2, thành phố Cao Lãnh và vợ chồng không còn chung sống với nhau. Thời gian này, vợ chồng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm và chị T nhận thấy không còn tình cảm để tiếp tục đời sống vợ chồng với anh H nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H vắng mặt, không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến của anh H đối với yêu cầu của chị T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị T với anh H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được và chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10/12/2000 và Nguyễn Yến P, sinh ngày 29/3/2002. Hiện tại, hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T. Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 10/12/2000 và Nguyễn Yến P, sinh ngày 29/3/2002. Hiện tại, hai con chung

đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007768 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- TAND Tỉnh;
- Dương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hải - Nguyễn Đình Đoan Hùng

Phạm Mỹ Như

Nơi nhận:

